

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ 9**  
**TUẦN 6**

**I. Đáp án các câu hỏi tuần 5.**

1D	2C	3C	4D	5D	6C	7A	8D	9C	10A
11B	12B	13B	14A	15C	16D	17C	18C	19A	20C
21D	22D	23D	24A	25D	26C	27B	28A	29D	30B
31D	32A	33C	34A	35D	36B	37C	38C	39C	40A

**II. Chọn đáp án đúng nhất cho mỗi câu sau.**

**Câu 1.** Thứ bậc về số dân và diện tích của nước ta hiện nay so với các nước trên thế giới là

- A. số dân thứ 14, diện tích thứ 58.                      B. số dân thứ 58, diện tích thứ 14.  
C. số dân thứ 14, diện tích thứ 14.                      D. số dân thứ 41, diện tích thứ 58.

**Câu 2.** Các điểm dân cư của người Tày, Thái, Mường có tên gọi nào sau đây?

- A. Làng, ấp.                      B. Bản.                      C. Buôn, plây.                      D. Phum, sóc.

**Câu 3.** Nguyên nhân nào sau đây làm cho diện mạo làng quê đang thay đổi?

- A. Do quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.  
B. Tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp ổn định.  
C. Tác động của quá trình di dân từ nông thôn ra thành thị.  
D. Hoạt động kinh tế nông nghiệp không còn là chủ đạo.

**Câu 4.** Nguồn lao động ở nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nguồn lao động dồi dào.                      B. Tỷ lệ tăng lao động vẫn còn cao.  
C. Lao động giàu kinh nghiệm sản xuất.                      D. Chất lượng nguồn lao động chậm nâng cao.

**Câu 5.** Số lượng vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta hiện nay là

- A. 2.                      B. 3.                      C. 4.                      D. 5.

**Câu 6.** Đất phù sa thích hợp với cây trồng nào sau đây?

- A. Chè.                      B. Lúa.                      C. Cao su.                      D. Cà phê.

**Câu 7.** Vùng có diện tích trồng lúa lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng.                      B. Bắc Trung Bộ.  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ.                      D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 8.** Vùng trồng nhiều dừa nhất ở nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.                      B. Bắc Trung Bộ.  
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.                      D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 9.** Đàn trâu có quy mô lớn nhất thuộc vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.                      B. Bắc Trung Bộ.  
C. Đồng bằng sông Hồng.                      D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 10.** Khoáng sản nào sau đây có vai trò quan trọng đối với sự phát triển ngành công nghiệp công nghiệp luyện kim đen, luyện kim màu?

- A. Than, dầu, khí.                      B. Sắt, mangan, chì, thiếc.  
C. Apatit, pirit, photphorit.                      D. Sét, đá vôi, thạch anh.

**Câu 11.** Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất ở nước ta hiện nay là

- A. Hoà Bình.                      B. Sơn La.                      C. Y-a-ly.                      D. Trị An.

**Câu 12.** Ngành công nghiệp chế biến thủy sản bao gồm

- A. sản xuất đường, dầu thực vật.                      B. chế biến thịt, sữa, trứng.  
C. làm nước mắm, tôm cá đông lạnh.                      D. sản xuất rượu, bia, nước ngọt.

**Câu 13.** Tuyến đường bộ chạy dọc nước ta, từ Lạng Sơn đến Cà Mau là

- A. quốc lộ 14.                      B. quốc lộ 1A.                      C. đường Hồ Chí Minh.                      D. quốc lộ 5.

**Câu 14.** Ngành viễn thông nước ta **không** có đặc điểm phát triển nào sau đây?

- A. Mật độ điện thoại và thuê bao Internet tăng rất nhanh.
- B. Năng lực viễn thông quốc tế, liên tỉnh nâng lên vượt bậc.
- C. Các dịch vụ viễn thông ngày càng đa dạng và rộng khắp lãnh thổ.
- D. Nước ta hoà mạng Internet vào cuối năm 2005.

**Câu 15.** Các trung tâm thương mại và dịch vụ lớn nhất nước ta là

- A. Hà Nội, Hải Phòng.
- B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.
- C. TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ.
- D. TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

**Câu 16.** Cây công nghiệp quan trọng nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. chè.
- B. cà phê.
- C. cao su.
- D. điều.

**Câu 17.** Địa điểm du lịch nào sau đây được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Tam Đảo.
- B. Vịnh Hạ Long.
- C. Hồ Ba Bể.
- D. Thị trấn Sa Pa.

**Câu 18.** Tài nguyên quý giá nhất của Đồng bằng sông Hồng là

- A. khí hậu có mùa đông lạnh.
- B. khoáng sản than nâu.
- C. đất phù sa sông.
- D. sông ngòi dày đặc.

**Câu 19.** Lễ hội nào ở Đồng bằng sông Hồng kéo dài nhất trong năm?

- A. Chợ Viêng.
- B. Phủ Giầy.
- C. Chùa Hương.
- D. Chọi trâu.

**Câu 20.** Bãi tắm Lăng Cô thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An.
- B. Quảng Trị.
- C. Hà Tĩnh.
- D. Thừa Thiên – Huế.

**Câu 21.** Cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, chăn nuôi trâu, bò ở Bắc Trung Bộ được phát triển ở khu vực nào sau đây?

- A. Vùng đồng bằng ven biển.
- B. Vùng đất cát pha duyên hải.
- C. Vùng đồi gò phía tây.
- D. Vùng núi phía tây.

**Câu 22.** Tỉnh/thành phố nào sau đây ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có hai di sản văn hoá thế giới?

- A. Ninh Thuận.
- B. Đà Nẵng.
- C. Quảng Nam.
- D. Bình Định.

**Câu 23.** Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. mực, tôm, cá đông lạnh.
- B. sữa và các sản phẩm từ sữa.
- C. các loại quả nhiệt đới.
- D. gạo và sản phẩm chế biến từ gạo.

**Câu 24.** Hoa và rau ôn đới là sản phẩm nổi tiếng của thành phố nào sau đây?

- A. Plây Ku.
- B. Buôn Ma Thuột.
- C. Đà Lạt.
- D. Kon Tum.

**Câu 25.** Tây Nguyên **không** có đặc điểm dân cư và xã hội nào sau đây?

- A. Các dân tộc có bản sắc văn hoá phong phú, đa dạng.
- B. Mật độ dân cư thấp nhất so với các vùng ở nước ta.
- C. Tỷ lệ hộ nghèo cao hơn tỷ lệ chung của cả nước.
- D. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên thấp hơn cả nước.

**Câu 26.** Những tỉnh/thành phố nào sau đây ở Đông Nam Bộ tiếp giáp với biển?

- A. TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- B. Đồng Nai, Tây Ninh.
- C. Bình Dương, Bình Phước.
- D. TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai.

**Câu 27.** Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

- A. Tây Ninh.
- B. Đồng Nai.
- C. TP. Hồ Chí Minh.
- D. Bình Phước.

**Câu 28.** Trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đất phù sa ngọt chủ yếu tập trung ở

- A. các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu.
- B. dọc hai bờ sông Tiền, sông Hậu.
- C. dải đất ven biển Đông.
- D. dải đất ven vịnh Thái Lan.

**Câu 29.** Tỷ lệ dân thành thị ở Đồng bằng sông Cửu Long

- A. thấp hơn cả nước.
- B. cao hơn cả nước.
- C. bằng tỷ lệ chung cả nước.
- D. thấp nhất trong cả nước.

**Câu 30.** Các đảo lớn ở vịnh Bắc Bộ của nước ta là:

- A. Cái Bàu, Cát Bà, Bạch Long Vĩ.      B. Cái Bàu, Phú Quý, Côn Đảo.  
 C. Côn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quý.            D. Bạch Long Vĩ, Côn Cỏ, Lý Sơn.

**Câu 31.** Tỉnh nào sau đây giáp phía tây của thủ đô Hà Nội?

- A. Bắc Giang.      B. Hà Nam.      C. Hưng Yên.      D. Phú Thọ.

**Câu 32.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết Hải Phòng là trung tâm kinh tế có quy mô nào?

- A. Rất lớn.      B. Lớn.      C. Vừa.      D. Nhỏ.

**Câu 33.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy sắp xếp các trung tâm kinh tế sau theo thứ tự giảm dần về quy mô.

- A. Hà Nội, Vũng Tàu, Huế, Nha Trang.      B. Hà Nội, Huế, Vũng Tàu, Nha Trang.  
 C. Hà Nội, Nha Trang, Vũng Tàu, Huế.      D. Hà Nội, Vũng Tàu, Nha Trang, Huế.

**Câu 34.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện Trà Nóc, Cà Mau thuộc vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.      B. Đồng bằng sông Hồng.  
 C. Duyên hải Nam Trung Bộ.      D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 35.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

- A. Hải Phòng.      B. Dung Quất.      C. Vũng Tàu.      D. Cần Thơ.

**Câu 36.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết bãi biển Lăng Cô thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An.      B. Quảng Bình.      C. Quảng Trị.      D. Thừa Thiên – Huế.

**Câu 37.** Cho bảng số liệu:

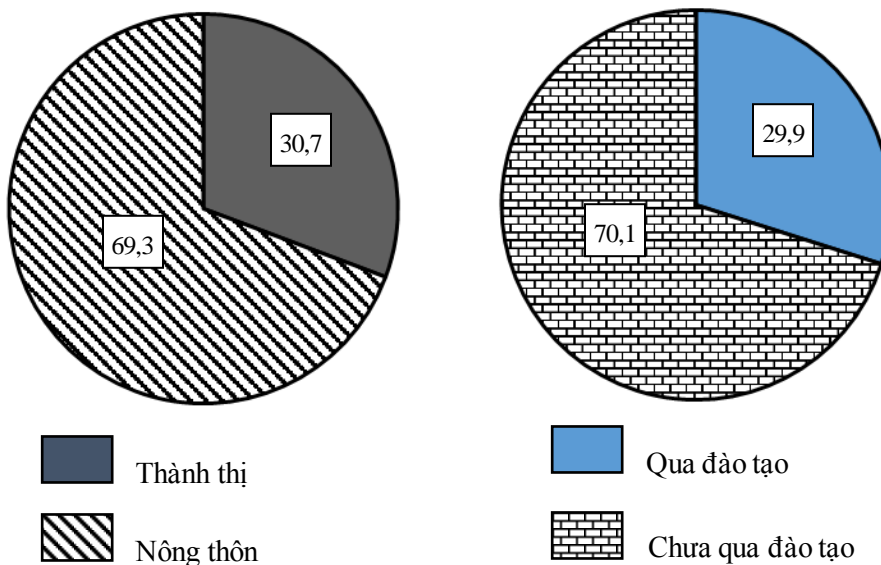
*Độ che phủ rừng của các tỉnh ở Tây Nguyên, năm 2014*

Các tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng
Độ che phủ rừng (%)	62,4	40,1	38,7	39,0	52,2

Lần lượt tỉnh nào sau đây có độ che phủ rừng cao nhất và thấp nhất ở Tây Nguyên năm 2014?

- A. Kon Tum, Đắk Lắk.      B. Gia Lai, Lâm Đồng.  
 C. Đắk Nông, Gia Lai.      D. Lâm Đồng, Kon Tum.

**Câu 38.** Cho biểu đồ về nguồn lao động nước ta năm 2014 (đơn vị: %):



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu lực lượng lao động phân theo thành thị, nông thôn và theo đào tạo, năm 2014.  
 B. Quy mô và cơ cấu lao động phân theo thành thị và nông thôn năm 2014.  
 C. Quy mô và cơ cấu lao động phân theo trình độ đào tạo năm 2014.  
 D. Quy mô lực lượng lao động phân theo thành thị, nông thôn và theo đào tạo, năm 2014.

**Câu 39.** Cho bảng số liệu:

*Cơ cấu khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo các loại hình vận tải ở nước ta, năm 2002 và năm 2014 (không kể vận tải bằng đường ống) (Đơn vị: %)*

Loại hình vận tải	Cơ cấu khối lượng hàng hoá vận chuyển	
	Năm 2002	Năm 2014
Tổng số	100,0	100,0
Đường sắt	2,92	0,67
Đường bộ	67,68	76,18
Đường sông	21,70	17,67
Đường biển	7,67	5,46
Đường hàng không	0,03	0,02

Nhận xét nào sau đây đúng với cơ cấu khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo loại hình giao thông nước ta năm 2014?

- A. Đường bộ khối lượng hàng hoá vận chuyển thấp hơn đường sắt.
- B. Đường sông khối lượng hàng hoá vận chuyển thấp hơn đường sắt.
- C. Đường sắt có khối lượng hàng hoá vận chuyển nhỏ nhất.
- D. Đường bộ có khối lượng hàng hoá vận chuyển cao nhất.

**Câu 40.** Cho bảng số liệu:

*Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ, năm 2015*

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

Vùng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ
Sản lượng		
Khai thác	328,0	845,8
Nuôi trồng	138,0	86,4

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Tổng sản lượng thủy sản của Bắc Trung Bộ lớn hơn Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở Duyên hải Nam Trung Bộ đều lớn hơn Bắc Trung Bộ.
- C. Sản lượng thủy sản khai thác ở Duyên hải Nam Trung Bộ nhỏ hơn Bắc Trung Bộ.
- D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng ở Bắc Trung Bộ lớn hơn Duyên hải Nam Trung Bộ.

**III. Trong study.hanoi.edu.vn:** Học sinh làm đề Ôn tập THCS – đề 11.

-----Hết-----